SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HIỆP HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:743 /QĐ-BV

Hiệp Hòa, ngày 13 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế lần 4 năm 2026 của của Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hòa.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HIỆP HÒA

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023; Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 113/2025/QĐ- UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1572/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1);

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-SYT ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 688/QĐ-BV ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hòa về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu

kỹ thuật và nguồn vốn dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế lần 4 năm 2026 của của Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hòa;

Căn cứ Biên bản họp số /BB-HĐMS ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng Mua sắm thuộc Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hoà về việc xác định giá gói thầu và xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế lần 4 năm 2026 của của Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hòa;

Theo đề nghị của Hội đồng Mua sắm tại tờ trình số /TTr-HĐMS ngày 10 tháng 11 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế lần 4 năm 2026 của của Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế lần 4 năm 2026 của của Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hòa, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia đấu thầu, tổ thẩm định đấu thầu, khoa Dược, Vật tư - TBYT, Phòng Tài chính kế toán và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 2;*
- *Lưu VT.*

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HIỆP HÒA

Vũ Văn Hoàn

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA SẮM THIẾT BỊ Y TẾ LẦN 4 NĂM 2026 CỦA CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA HIỆP HÒA

(Kèm theo Quyết định số: 743 /QĐ-BV ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa	Mua sắm thiết bị y tế lần 4 năm 2026 của của Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hòa	Lựa chọn nhà cung cấp thiết bị y tế (gói thầu gồm 2 phần/lô: mỗi danh mục là 1 phần/lô)	384.834.000 VND (Ba trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn./.)	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		30 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng trọn gói	90 ngày	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu: 384.834.000 VND (Ba trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn./.)												

Phụ lục 2

DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC KẾ HOẠCH MUA SẮM

(Kèm theo Quyết định số: 743 /QĐ-BV ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Hiệp Hòa)

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
1	Máy điện tim 6 kênh	Ký mã hiệu (model): ECG-3250 Hãng sản xuất: Shanghai Kohden Medical Electronic Instrument Corp Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2025 trở về sau **Cấu hình cung cấp:** - Máy chính: 01 bộ - Dây điện tim: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Điện cực ngực: 06 quả - Điện cực kẹp chi: 04 cái - Ắc quy: 01 cái - Giấy in: 01 tập - Xe đẩy: 01 cái Tài liệu HDSD tiếng Anh và tiếng Việt : 01 bộ	Chiếc	02	87.000.000	174.000.000	

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		THÔNG SỐ KĨ THUẬT - Có thể hiển thị đồng thời 12 đạo trình điện tim ECG - Công nghệ lọc tiên tiến giúp giảm nhiễu mà ít gây biến dạng sóng Chương trình phân tích điện tim ECAPS12C với hơn 200 mục phát hiện với phân tích chi tiết bao gồm phân tích điện tâm đồ kiểu Brugada - Có tính năng ghi mở rộng - Dữ liệu có thể xuất qua LAN có dây hoặc qua LAN không dây khi lắp thêm module tùy chọn - Bộ nhớ USB hoặc thẻ SD có thể được sử dụng như một bộ nhớ ngoài - Thông tin bệnh nhân có thể nhận được từ máy chủ bên ngoài. Và báo cáo có thể được xuất ra ở định dạng DICOM hoặc PDF giúp tích hợp dữ liệu tốt hơn với các hệ thống quản lý dữ liệu khác nhau. - Có thể lưu trữ dữ liệu 3 phút gần nhất của tất cả các đạo trình sóng ECG vào bộ nhớ trong Thu nhận tín hiệu điện tim:					

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		- Mạch đầu vào được bảo vệ chống sốc điện - Độ nhạy tiêu chuẩn: 10 mm/mV ±2% - Trở kháng đầu vào: ≥ 50 MΩ tại 0.67 Hz - Hệ số lọc nhiễu đồng pha: > 105 dB - Điện áp chống phân cực: ±550 mV - Tần số đáp ứng: 0.05 Hz đến 150 Hz (+0.4dB/ -3 dB) - Nhiễu trong: ≤ 20 µVp-v - Dải đếm nhịp tim: 30 đến 300 nhịp/phút; độ chính xác: ±10% (30 đến 240 nhịp/phút) - Tốc độ lấy mẫu: 16.000 mẫu/s/kênh Xử lý dữ liệu sóng: - Đạo trình điện tim: 12 đạo trình - Độ nhạy: 5, 10, 20 mm/mV - Tốc độ lấy mẫu: 500 mẫu/s - Bộ lọc nhiễu xoay chiều: 50/60 Hz - Hằng số thời gian: ≥ 3.2 s - Bộ lọc cao tần: 75, 100, 150 Hz (-3 dB)					

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		- Bộ lọc nhiễu điện cơ: 25/35 Hz - Đáp ứng tín hiệu tối thiểu: ≤ 20 µVp-v - Bộ lọc chống trôi đường nền: yếu 0.1 Hz (-20dB), mạnh 0.1 Hz (-34dB) - Có chức năng phát hiện máy tạo nhịp - Bộ chuyển đổi A/D: 24 bit **Hiển thị**: - Màn hình màu tinh thể lỏng - Kích thước: 8 inch - Độ phân giải: 800 x 480 điểm - Hiển thị dữ liệu: 12 đạo trình sóng điện tim, thông tin bệnh nhân, cài đặt chế độ ghi, chế độ hoạt động, nhịp tim, đánh dấu đồng bộ QRS, thông báo lỗi, tuột điện cực, độ nhiễu **Ghi:** - Phương pháp: in nhiệt - Mật độ in: 200 dpi - Khổ giấy: rộng 110 mm, dài 30 m gập Z - Số kênh ghi: 3, 3+nhịp, 6 - Tốc độ ghi: 5, 10, 12.5, 25, 50 mm/s - Độ chính xác tốc độ ghi: ≤ ±5% - Dữ liệu ghi: sóng điện tim, nhịp tim, tên đạo trình, phiên bản, ngày và giờ, tốc độ giấy, độ nhạy, cài đặt					

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		bộ lọc, thông tin bệnh nhân, thông tin phép đo, đánh dấu **Phân tích điện tim:** - Áp dụng cho bệnh nhân: trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn - Mục phát hiện: khoảng 200 mục - Mục đánh giá: 5 mục **Lưu trữ:** - Bộ nhớ trong lưu trữ tối đa 800 file ECG **Ắc quy**: - Ắc quy có thời gian hoạt động hơn 150 phút; thời gian sạc: 3 giờ **An toàn:** - Tuân thủ tiêu chuẩn IEC 60601-1 **Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương**					
2	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Model: OMNI II Hãng sản xuất: Infinium Medical Inc Xuất xứ: Mỹ Hãng/ Nước chủ sở hữu: Infinium Medical Inc/Mỹ **I. Thông tin chung** Thiết bị mới 100% Năm sản xuất: 2026 trở về sau Thời gian bảo hành: 12 tháng	Chiếc	02	105.417.000	210.834.000	

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		Nhà sản xuất đạt chứng chỉ: ISO 13485: 2016, FDA Nguồn điện cung cấp: 100 - 240VAC, 50/60Hz, 150VA - Pin: Li-ion có thể sạc lại Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: 400C +Độ ẩm tối đa: 95% **II. Cấu hình** Máy chính: 01 chiếc Cáp điện tim ECG: 01 bộ Bộ cáp đo SPO2: 01 bộ Cảm biến đo SPO2 đầu ngón tay dùng nhiều lần và cáp: 01 bộ Bộ đo huyết áp không xâm nhập (NIBP): 01 bộ Cảm biến nhiệt độ da (TEMP): 01 chiếc Dây nguồn: 01 chiếc Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt : 01 bộ **III. Thông số kỹ thuật** **Đặc tính Kỹ thuật của OMNI II** - Hiển thị: màn hình màu cảm ứng 12.1” - Vệt sóng: 3, 6, 8 hoặc 12 dạng sóng - Các chỉ số: Báo động và Nguồn với tiếng bíp QRS và âm thanh báo động - Thời gian xu hướng: 120 giờ					

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		- Máy in: + máy in nhiệt tích hợp, 3 kênh + độ rộng ghi: 48 mm + giấy ghi: 50 mm + tốc độ ghi: 25mm/s - Nguồn cung cấp: 100 - 240VAC, 50/60Hz, 150VA - Pin: Lithium-ion có thể sạc lại - Môi trường: Nhiệt độ: Hoạt động: 0-40°C, Bảo quản -20-60°C Độ ẩm (không ngưng tụ): Hoạt động: 15-95%, Lưu trữ: 10-95% **Tính năng tiêu chuẩn** Các thông số: ECG (xếp tầng), RESP, NIBP (lên đến 250 lần đọc xu hướng), TEMP, Masimo SpO2, Pulse, PI. Các tính năng: OxyCRG, Calc liều thuốc, Bộ nhớ cài đặt người dùng, Phát hiện chứng loạn nhịp tim, Phân tích đoạn ST **Thông số kỹ thuật** **ECG:** - Đầu vào: Cáp ECG 3,5 hoặc 12 đạo trình & AAMI - Lựa chọn đạo trình: I, II, III, aVR, aVF, aVL, V, V1-V6, TEST - Có thể chọn độ khuếch đại: x0,5; x1; x2; x4					

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		- Tần số: 0.67 - 40 Hz (-3 dB) - Dạng sóng ECG: tối đa 12 kênh - Điện áp đánh thủng: 4000VAC, 50/60 Hz - Tốc độ quét: 12,5; 25; và 50mm/s (2 chiều) - Phạm vi hiển thị nhịp tim: 30 - 300 bpm - Độ chính xác: ± 1 bpm hoặc ± 1% , tùy theo giá trị nào lớn hơn - Giới hạn báo động: + giới hạn trên: 80 - 400 bpm + giới hạn dưới: 12 - 150 bpm **Hô hấp:** - Phương pháp đo: trở kháng RA-LL - Phạm vi: 0 - 120 rpm - Độ chính xác: ± 3 rpm - Giới hạn báo động: + giới hạn trên: 8 - 120 rpm + giới hạn dưới: 6 - 100 rpm - Tốc độ quét: 6.25; 12.5; và 25mm/s (2 chiều) **NIBP (huyết áp không can thiệp):** - Công nghệ đo: Đo dao động tự động - Bơm bao đo: < 30 s (0 - 300 mmHg, bao đo tiêu chuẩn) - Thời gian đo: trung bình < 40 s - Các chế độ: bằng tay, tự động, STAT, Average - Khoảng thời gian đo trong kiểu tự động: 2 phút - 4 giờ					

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		- Phạm vi nhịp mạch: 30 - 300 bpm - Phạm vi đo: + Chế độ người lớn/ trẻ em: SYS: 40 - 250 mmHg; DIA: 15 - 200 mmHg + Chế độ trẻ sơ sinh: SYS: 40 -135 mmHg; DIA: 15 - 100 mmHg - Độ chính xác: + Sai số trung bình tối đa: ± 5 mmHg + Độ lệch chuẩn tối đa: 8 mmHg - Độ phân giải: 1 mmHg - Bảo vệ quá áp: chế độ người lớn: 297 mmHg; chế độ trẻ sơ sinh: 147 mmHg - Giới hạn báo động dành cho người lớn: SYS: 30-270 mmHg, DIA: 10-215 mmHg - Giới hạn báo động trẻ sơ sinh: SYS: 30-240mmHg, DIA: 10-180 mmHg **Nhiệt độ:** - Phạm vi: 25 - 50°C - Độ chính xác: + 25 - 34,9°C: ± 0,2°C + 35 - 39.9°C: ± 0,1°C + 40 - 44,9°C: ± 0,2°C + 45 – 50,0°C: ± 0,3°C - Độ phân giải hiển thị: 0,1°C - Giới hạn báo động: + giới hạn trên và dưới: 10 - 50°C					

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Giá Kế hoạch		Ghi chú
					Đơn giá (VND)	*Thành tiền* (VND)	
		- Số kênh: 2 kênh **MASIMO SET SpO2 (Tiêu chuẩn)** - Phạm vi: 1 - 100% - Độ phân giải: mức tăng 1% - Độ chính xác: + Người lớn/ Trẻ em không cử động: 70 - 100%, ± 2% + Trẻ sơ sinh không cử động: 70 - 100%, ± 3% + Cử động: 70 - 100% ±3% + Tưới máu thấp: 70 - 100% ±2% + Thời gian trung bình: 2-4, 4-6, 8, 10, 12, 14, 16 giây (chọn) + Độ nhạy: Bình thường, Tối đa, APOD (chọn) **Tốc độ xung Masimo** - Phạm vi: 25 - 240 bpm - Độ chính xác: + không cử động: ± 3 bpm (tất cả các chế độ) + cử động: ± 5 bpm (tất cả các chế độ) + độ phân giải: 1 bpm **Chỉ số tưới máu Masimo (PI)** + Phạm vi: 0.02% - 20%					
Tổng giá gói thầu: 384.834.000 VND (Ba trăm tám mươi tư triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn./.)							